

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>- Chủ đầu tư là: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYẾN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC</p> <p>- Địa chỉ: Đường Lê Lợi, tổ dân phố Hưng Thành 8, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>- Tài khoản: 3410012152</p> <p>- Mở tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tuyên Quang.</p> <p>- Mã số thuế: 0100100417-014</p> <p>- Điện thoại: 02072 210248 số Fax: 02073 821 438</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm: Cung cấp vật tư và thi công xây lắp hạng mục SCL lưới điện trung áp, TBA khu vực Quang Bình:</p> <p>+ Hạng mục SCL: Sửa chữa 19 TBA ĐZ 35kV lộ 371E22.3 huyện Quang Bình.</p> <p>+ Hạng mục SCL: ĐZ 35kV xã Yên Hà H.Bắc quang ; ĐZ 35kV TBA Thôn Hạ Lập 2 Xã Bàng Lang - Quang Bình; ĐZ 35kV TBA UB Yên Hà - xã Yên Hà - QBình ; ĐZ 35kV CĐ cho thôn Sơn Quang xã Xuân Minh – QBình lộ 371E22.3 huyện Quang Bình.</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại xã Quang Bình, xã Bàng Lang... tỉnh Tuyên Quang</p> <p>Được xác định trong Bản vẽ số: Chi tiết trong E-HSMT</p>
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 60 ngày
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 60 ngày
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ___ [ghi ngày].
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: Chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày bàn giao và tiếp nhận mặt bằng thi công
E-ĐKC 1.29	<p>- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</p> <p>- Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax,</p>

	<p><i>email của Tư vấn giám sát];</i></p> <p>...</p>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ___ [<i>Chủ đầu tư điền</i>]
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <p>a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>c) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>d) Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;</p> <p>đ) Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục;</p> <p>e) Thông số kỹ thuật (nếu có);</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu;</p> <p>k) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT</p>
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng 3% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: <ul style="list-style-type: none"> + Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. + Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. + Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp

	<p>đồng đối với mọi trường hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng từ Nhà thầu</p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
E-ĐKC 8.8(a)	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
E-ĐKC 8.11	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
E-ĐKC 9.3	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên</p>

	liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Có đầy đủ năng lực để thực hiện phần khối lượng do nhà thầu phụ đảm nhận thực hiện
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình. Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công. bảo hiểm hàng hoá vận chuyển. bảo hiểm đối với người lao động. bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình \geq 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	<p>- Thông tin về Công trường là: Cung cấp vật tư và thi công xây lắp hạng mục SCL lưới điện trung áp, TBA khu vực Quang Bình:</p> <p>+ Hạng mục SCL: Sửa chữa 19 TBA ĐZ 35kV lộ 371E22.3 huyện Quang Bình.</p> <p>+ Hạng mục SCL: ĐZ 35kV xã Yên Hà H.Bắc quang ; ĐZ 35kV TBA Thôn Hạ Lập 2 Xã Bàn Lang - Quang Bình; ĐZ 35kV TBA UB Yên Hà - xã Yên Hà - QBình ; ĐZ 35kV CĐ cho thôn Sơn Quang xã Xuân Minh – QBình lộ 371E22.3 huyện Quang Bình.</p> <p>- Địa điểm Công trường tại xã Quang Bình, xã Bàn Lang... tỉnh Tuyên Quang</p>
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Kể từ ngày hai bên tiến hành giao nhận mặt bằng thi công.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thỏa thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp gửi lên Toà án Nhân dân tỉnh Tuyên Quang để xử lý tranh chấp. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.</p>

B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: Chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày bàn giao và tiếp nhận mặt bằng thi công.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: 60 ngày kể từ ngày bàn giao và tiếp nhận mặt bằng thi công (<i>tính cả thứ 7 và chủ nhật, trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước</i>)</p>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày/01 lần vào ngày thứ 5 hàng tuần</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 88.672.415 VNĐ</p>
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra; do vướng mắc về cấp phép xây dựng, cấp phép thi công.</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các thiết bị, vật liệu cấp cho công trình phải mới nguyên 100%. Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đều được chế tạo, thí nghiệm và nghiệm thu đạt tiêu chuẩn theo đúng thiết kế được duyệt và các quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, có chứng chỉ chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.</p> <p>- Nhà thầu phải cung cấp Cho chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của các công việc hoàn thành. Các vật tư thiết bị khác có trước khi đưa vào vận hành phải có đầy đủ kết quả thí, thử nghiệm điển hình hoặc thí nghiệm xuất xưởng để công nhận thiết bị, phụ kiện đạt tiêu chuẩn theo các thông số kỹ thuật đã công bố.</p>

	Tất cả các vật tư, vật liệu, thiết bị phải được nghiệm thu đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật mới được đưa vào lắp đặt và sử dụng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng:</p> <p>Việc tạm ứng cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức: Chuyển khoản. - Tạm ứng: Từ 15% đến 30% giá trị trước thuế của hợp đồng (tỷ lệ % tạm ứng sẽ được hai bên thống nhất trong thương thảo hợp đồng) sẽ được thanh toán tạm ứng hợp lệ theo quy định và có bố trí vốn của EVNNPC, khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thư yêu cầu thanh toán: 05 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của ngân hàng phát hành. (Bảo đảm thực hiện là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, không phải chứng minh hành vi vi phạm) + Bảo lãnh trả trước do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng (Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, không phải chứng minh hành vi vi phạm, phải có hiệu lực đến khi thu hồi hết tiền tạm ứng): 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành. <p>* Lưu ý: việc giải ngân vốn phụ thuộc vào kế hoạch giải ngân của EVNNPC</p> <p>- Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng thanh toán nghiệm thu gói thầu đạt đến 80% giá trị hợp đồng.</p> <p style="text-align: center;">Theo VB 4589/EVN-QLĐT ngày 30/7/2021:</p> <p style="text-align: center;">Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy</p>

	<p>ngang, không phải chứng minh hành vi vi phạm do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, bên B phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng và nộp cho bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu bên B không giao nộp đúng hạn, bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh bảo lãnh tạm ứng do bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không bên A có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: Phụ thuộc vào kế hoạch giải ngân của EVNNPC</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Thanh toán: Khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các công việc theo Hợp đồng, hai bên tiến hành nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng, kế hoạch giải ngân của EVNNPC và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng. Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng sau khi có Quyết định phê duyệt quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt Hoặc thanh toán khối lượng nghiệm thu của từng giai đoạn giá trị hoàn thành nhưng không vượt quá 3 lần thanh toán và 80% giá trị hợp đồng trước thuế, sau khi bên B cung cấp đủ các tài liệu sau:</p> <p>+ Công văn đề nghị thanh toán: 05 bản gốc.</p>

+ Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc và 04 bản chụp.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo phụ lục xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021: 05 bản gốc.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn có đại diện Bên A và đại diện bên B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 05 bản gốc.

+ Các hồ sơ pháp lý liên quan.

- Đối với VTTB:

+ Hồ sơ Chứng chỉ chất lượng, số lượng của hàng hóa (C0/CQ); Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất/nước xuất khẩu cấp (C/O) “đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài”, vận đơn sạch (nếu có);

+ Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất

+ Biên bản nghiệm thu VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B: 05 bộ gốc

+ Biên bản giao nhận VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B: 05 bộ gốc

- Đối với VTTB phục vụ thi công gói thầu:

+ Xuất xứ của vật liệu.

+ Biên bản nghiệm thu xuất xưởng.

- Đối với phần xây lắp và lắp đặt:

+ Biên bản nghiệm thu VTTB trước khi đưa đi lắp đặt: 05 bộ gốc.

+ Hồ sơ chất lượng: 01 bộ gốc và 04 bộ sao y.

+ Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu công việc và hồ sơ pháp lý kèm theo: 05 bản gốc (kèm nhật ký theo mẫu bên A: 01 bộ theo nghiệm thu giai đoạn).

Thanh toán giá trị hợp đồng còn lại:

+ Giá trị được thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các công việc theo Hợp đồng, đóng điện công trình, có hồ sơ quyết toán giá trị và Nhà thầu phát hành Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng phần giá trị

	khối lượng Nhà thầu thực hiện vào tài khoản của Nhà thầu thụ hưởng
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo quy định hiện hành của pháp luật.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>1. Đối với VTTB cung cấp cho gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng. - Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành. - Phạt do thay đổi xuất xứ: nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của hàng hoá thì ngoài việc cung cấp các nguyên nhân và tài liệu liên quan để cho Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi, trong trường hợp được chấp nhận, nhà thầu còn phải chịu phạt 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của hàng hoá xin đổi, trừ những trường hợp bất khả kháng. <p>2. Đối với phần xây dựng:</p> <p>Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp</p>

	<p>đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạt 02% giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần; - Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 1% giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 1% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt. <p>3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3.</p> <p>5. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý.</p> <p>6. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p> <p>7. Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B hợp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện hợp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p>
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

E-ĐKC 49.3	Thương hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	<p>- Thời gian bàn giao công trình: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (<i>tính cả thứ 7 và chủ nhật, trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước</i>).</p> <p>Bảo hành công trình: \geq 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao chính thức vận hành thương mại.</p>
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thi công hoàn thành và trước 03 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao chính thức vận hành thương mại.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 443.362.073 VNĐ
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.